

Bản án số: **57/2021/HS-ST**

Ngày: 29/10/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Cần.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Nguyễn Tấn Quang

- Bà: Phan Thị Thanh Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Võ Đăng Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ tên: **NGUYỄN ĐỨC T**, sinh ngày 14 tháng 03 năm 1993, tại: huyện K, Hải Phòng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Hải Phòng. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Công nhân; con ông Nguyễn Đức V và bà Bùi Thị Ê, vợ bị cáo tên Hầu Thị C

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, hình sự.

Bị can bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Núi Thành từ ngày 19/7/2020 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lâm Thị Mai A và Luật sư Ngô Văn D
– Văn phòng luật sư Đức Năng thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

*** Bị hại:** Công ty Cổ phần R.

Địa chỉ: Lô A, Khu công nghiệp B, thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Trần A

Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh C, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 323/15 đường H, P. T, Q. Th, Tp. Đà Nẵng

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông: Vũ Tiến C, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Khu phố H, Th. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông: Chu Ngọc D, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: KP T, Q, S, Thanh Hóa. Vắng mặt.

- Ông: Đới Anh S, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Thôn A, Q, Q, Thanh Hóa. Vắng mặt.

- Ông: Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Khối A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ông: Võ Nhật L, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ông: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ông: Đặng Công L, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

- Ông: Phạm Văn T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Tổ dân phố số D, D, G, Hà Nội. Vắng mặt.

- Ông: Nguyễn Xuân H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Số S, H, N, Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà: Vũ Thị Th, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố số A, D, G, Hà Nội. Vắng mặt

- Ông: Nguyễn Phúc Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn T, H, H, Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức T là bảo vệ của Công ty Cổ phần Rừng Việt Quảng Nam tại lô 4, Khu Công nghiệp B, thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Công ty). Sáng ngày 10/7/2020, lợi dụng lúc Công ty không có người, Nguyễn Đức T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của Công ty nên lấy danh nghĩa là Phó Giám đốc Công ty lên mạng xã hội tìm, chào bán số sắt thép cột, kèo khung nhà xưởng tiền chế của Công ty cho Vũ Tiến C. Sau khi trao đổi, chiều ngày 10/7/2020, Vũ Tiến C vào Công ty Cổ phần Rừng Việt Quảng Nam gặp T thỏa thuận và thống nhất mua bán với giá 7.500đ/kg.

Sáng ngày 11/7/2020, C cùng với Chu Ngọc D, Đới Sỹ A thuê 01 xe cầu hàng của Nguyễn Văn Q và 05 xe tải thùng tại Núi Thành gồm xe đầu kéo BKS 92C-08705 rơ moóc 92R-000229 của Võ Nhật L; xe đầu kéo BKS 92C-09138 rơ moóc 00242 của Nguyễn Văn H; xe ô tô tải thùng BKS: 92C-06067 của Đặng Công L và 02 xe chưa xác định được lai lịch đến Công ty Cổ phần Rừng Việt Quảng Nam cân, chở số sắt mà T bán.

Sau khi bốc sắt lên xe, Đới Sỹ A đi theo xe ô tô đầu kéo BKS 92C-08705 rơ moóc 92R-000229 do Võ Nhật L điều khiển chở 28.960kg ra Gia Lâm, Hà Nội bán cho Phạm Văn T và Vũ Thị Th được 216.000.000đ. 04 xe sắt còn lại, C nhờ Chu Ngọc D chuyển tới tập kết tại Xí nghiệp Bê tông nhựa thuộc Công ty Cổ phần xây dựng Đà Nẵng, địa chỉ tại Hòa Nhơn, Hòa Vang, Đà Nẵng.

Ngày 15/7/2020, C tiếp tục thuê xe cầu của Nguyễn Xuân H – Giám đốc Công ty TNHH Hùng Trung Thắng tại Thạch Nham Đông, Hòa Nhơn, Hòa Vang, Đà Nẵng tới xí nghiệp Bê tông nhựa để cầu số sắt trên về tập kết tại bãi đất trống trên đường Đỗ Nhuận, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Tổng khối lượng sắt mà T đã bán cho C cân được tại thời điểm bán là 33.000kg với số tiền là 248.000.000đ. Sau khi trừ số tiền T hỗ trợ vận tải 3.000.000đ, C chuyển toàn bộ số tiền 245.000.000đ mua số sắt trên cho T qua số tài khoản 109869776354 tại ngân hàng Viettinbank.

Sau khi nhận được tiền, Nguyễn Đức T bỏ trốn khỏi Công ty Cổ phần rừng Việt Quảng Nam về Hải Phòng, T dùng tiền này trả nợ hết 244.000.000đ và tiêu xài cá nhân, còn lại 900.000đ

Ngày 18/7/2020, T tới Cơ quan Công an huyện Núi Thành để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định, tổng khối lượng sắt T trộm cắp của Công ty Cổ phần rừng Việt Quảng Nam bán cho C là 77.260kg.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Núi Thành kết luận khối lượng sắt mà bị cáo T đã trộm cắp có giá trị là 463.560.000đ.

Bản Cáo trạng số: 22/CT-VKS ngày 22/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, Quảng Nam truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên Tòa đại diện Viên kiểm sát giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 5 đến 5 năm 06 tháng tù.

Các vấn đề khác có liên quan trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Về phần dân sự: Bị hại Công ty Cổ phần rừng Việt Quảng Nam đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Tuy nhiên, ngày 09/3/2020 Nguyễn Đức T đã tự nguyện bồi thường số tiền 50.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Tiến C yêu cầu bị cáo Nguyễn Đức T bồi thường số tiền 320.000.000 đồng, gồm 245.000.000 đồng tiền mua sắt và 75.000.000 đồng tiền chi phí vận chuyển.

Bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền 320.000.000 theo yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Tiến C.

Người bào chữa cho bị cáo: Xét thấy động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là vì làm ăn thua lỗ, nợ nần, khi thực hiện hành vi bán số sắt của Công ty bị cáo không ý thức được là vi phạm pháp luật, bên cạnh đó bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 1 khoản 2 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo

Tại phiên tòa và lời nói sau cùng bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Trong quá trình điều tra, truy tố các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội và tội danh:* Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức T khai nhận: Do có ý định trộm cắp tài sản của Công ty Cổ phần Rừng Việt Quảng Nam nơi bị cáo đang làm bảo vệ nên sáng ngày 10/7/2020, lợi dụng lúc Công ty không có ai, bị cáo T giả danh Phó giám đốc Công ty lên mạng Internet tìm và bán số sắt thép là cột, kèo khung nhà xưởng tiền chế của Công ty Cổ phần Rừng Việt Quảng Nam cho Vũ Tiến C. Tổng khối lượng sắt mà T đã bán cho C cân được tại thời điểm bán là 33.000kg (khối lượng sắt T bán thực tế là 77.260kg) với số tiền là 248.000.000đ. Sau khi trừ số tiền T hỗ trợ vận tải 3.000.000đ, C chuyển toàn bộ số tiền 245.000.000đ mua số sắt trên cho T qua số tài khoản 109869776354 tại ngân hàng Viettinbank. Sau khi bán được sắt, nhận được tiền, Nguyễn Đức T bỏ trốn khỏi Công ty Cổ phần rừng Việt Quảng Nam về Hải Phòng, dùng tiền này trả nợ hết 244.000.000đ và tiêu xài cá nhân, còn lại 900.000đ. Sự việc bị Công ty Cổ phần Rừng Việt Quảng Nam phát hiện nên ngày 18/7/2020, T tới Cơ quan Công an huyện Núi Thành đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận vào sáng ngày 10/7/2020, lợi dụng lúc không có người, bị cáo Nguyễn Đức T đã có hành vi lén lút, bán trộm số sắt, thép là cột, kèo khung nhà xưởng tiền chế của Công ty Cổ phần Rừng Việt Quảng Nam cho Vũ Tiến C với khối lượng sắt 77.260kg, chiếm đoạt số tiền 463.560.000đ. Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty Cổ phần Rừng Việt Quảng Nam, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo

điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, Quảng Nam truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thì thấy: Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm một cách bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị. Bị cáo T có đủ khả năng để nhận biết việc tự ý bán số sắt trên của Công ty Cổ phần Rừng Việt Quảng Nam là hành vi trộm cắp tài sản, là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn có tiền tiêu xài mà không cần bỏ sức lao động nên đã lén lút chiếm đoạt của Công ty Cổ phần Rừng Việt Quảng Nam khối lượng sắt 77.260kg tương đương số tiền 463.560.000đ. Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình,

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cùng nhân thân bị cáo thì thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự; bên cạnh đó bị cáo có nhân thân tốt, chưa bị xử lý hành chính và hình sự. Do vậy, cần xem xét khi lượng hình, cần giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt: Xét thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nên cần xử bị cáo một mức án thật nghiêm, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật cũng như răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt. Do đó, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Các ông bà Vũ Tiến C, Chu Ngọc D, Đới Anh S, Nguyễn Văn Q, Võ Nhật L, Nguyễn Văn H, Đặng Công L, Phạm Văn T, Nguyễn Xuân H, Vũ Thị Th và Nguyễn Phúc Th là những người mua bán, bốc dỡ, chuyên chở số sắt mà bị cáo T đã trộm của Công ty Cổ phần Rừng. Tuy nhiên, những người này không biết sắt là do T trộm cắp nên việc cơ quan điều tra không đề nghị xử lý trách nhiệm đối với họ là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8] *Về phần dân sự:* Bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại đã nhận lại tài sản mất trộm không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Tiến C yêu cầu Nguyễn Đức T bồi thường số tiền 320.000.000đ, gồm 245.000.000 đồng tiền mua sắt và 75.000.000 đồng tiền chi phí vận chuyển. Bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền 320.000.000đ theo yêu cầu của Vũ Tiến C, Xét thấy, sự thảo thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thảo thuận này. Theo đó bị cáo T có nghĩa vụ trả cho Vũ Tiến C số tiền 320.000.000đ.

[9] *Về vật chứng của vụ án:*

Số sắt bị cáo T trộm cắp thu hồi được, quá trình điều tra cơ quan đã trả lại cho bị hại và không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đề cập, giải quyết.

Số tiền 900.000đ của bị cáo T cần thu giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S là tài sản của bị cáo T được T sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

01 căn cước công dân của bị cáo T cần trả lại cho bị cáo theo quy định

[10] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T 05** (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 19/7/2020.

Áp dụng Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự: Công nhận sự thảo thuận giữa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bị cáo T. Bị cáo T có nghĩa vụ trả cho Vũ Tiến C số tiền 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu) đồng.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Thu giữ của bị cáo T số tiền 900.000đ tại tài khoản tạm gửi số 3949.0.9042536.00000 của Công an huyện Núi Thành mở tại Kho bạc nhà nước huyện Núi Thành để đảm bảo cho việc thi hành án;

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu vàng, áp lưng màu đen, số IMEL: 355693072642864, bên trong có sim số 0976543029 (đã qua sử dụng);

Trả lại cho bị cáo T 01 căn cước công dân số 031 093 003 245.

(Điện thoại di động và căn cước công dân đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/3/2021)

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo T phải chịu là 16.000.000đ (Mười sáu triệu) đồng

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Nam;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ VA, AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Cần

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 54/2020-KLGTS ngày 24/7/2020 của n 109 cây sắt có khối lượng 47.530kg. Giá trị tài sản 285.180.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng) (BL 49, 50).

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 64A/2020-KLGTS ngày 02/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Núi Thành kết luận 53 cây sắt gồm nhiều kích thước khác nhau, đã bị rỉ sét, đã qua sử dụng, dùng để thi công, lắp ráp nhà tiền chế có khối lượng: 29.730kg. Giá trị tài sản 178.380.000 đồng (29.730kg x 6.000 đồng/kg) (Một trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn đồng) (BL 47, 48).

* Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

* Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường; đầu thú; phạm tội lần đầu; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

* Các tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án

Quá trình điều tra, có sự chênh lệch giữa số sắt thép, khung nhà xưởng T khai ban đầu bán cho Vũ Tiến Công là 33.000kg (ba mươi ba nghìn ki lô gam) và số sắt Cơ quan CSĐT Công an huyện Núi Thành tạm giữ 77.260kg (bảy mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi ki lô gam) trong đó có 29.730kg sắt thu giữ tại Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội của Phạm Văn T. Tuy nhiên, qua làm việc các đối tượng T, Công, D, Anh, T và các đối tượng có liên quan khai nhận có sự nhầm lẫn trong việc cân, ghi chép, không có thêm số lượng sắt nào khác nên có cơ sở để xác định số sắt T trộm cắp của Công ty Cổ phần rừng Việt Quảng Nam thực tế là 77.260kg (bảy mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi ki lô gam).

Qua điều tra, Vũ Tiến Công không biết Nguyễn Đức T trộm cắp sắt thép khung nhà xưởng của Công ty để bán cho Công. Vì vậy, không đủ cơ sở xử lý hình sự về tội tiêu thụ hoặc chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có (BL 54, 59, 113, 115). Tuy nhiên, hành vi hoạt động kinh doanh dưới hình thức hộ kinh doanh khi chưa có Giấy phép kinh doanh theo quy định của Vũ Tiến Công, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 124/NĐ-CP ngày 19/11/2015 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Công an huyện Núi Thành đã ra Quyết định xử phạt hành chính 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) (BL 128, 129).

Phạm Văn T và Vũ Thị Th có hành vi mua 28.960 kilôgam sắt từ Vũ Tiến Công nhưng khi mua T và Th không biết số sắt đó là tài sản do phạm tội mà có. Nguyễn Phúc Thanh có hành vi cho Vũ Tiến Công mượn địa điểm để nhờ một phần sắt mà Công đã mua của T nhưng Thanh không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Nguyễn Văn Q, Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn H, Đặng Công L và Võ Nhật L có hành vi cầu tải và vận chuyển số sắt mà Công mua của T để đi tiêu thụ nhưng Q, H, H, L và L không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy, không đủ cơ sở để xử lý đối với các đối tượng trên về hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 33,91 tấn (ba mươi ba phẩy chín mươi một tấn) sắt gồm nhiều thanh cột, kèo màu xanh, nhiều kích thước, đã bị rỉ sét (tạm giữ tại Xí nghiệp Bê tông nhựa thuộc Công ty Cổ phần xây dựng đô thị Đà Nẵng do ông Nguyễn Phúc Thanh - Bảo vệ Xí nghiệp Bê tông nhựa, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng đô thị Đà Nẵng giao nộp) (BL 189).

- 13,62 tấn (mười ba phẩy sáu mươi hai tấn) sắt gồm nhiều thanh cột, kèo màu xanh, nhiều kích Thóc, đã bị rỉ sét (tạm giữ tại khu đất trống thuộc đường Đỗ Nhuận, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam do ông Đới Sỹ Anh nộp) (BL 185).

- 29,73 tấn (hai mươi chín phẩy bảy mươi ba tấn) sắt gồm nhiều thanh cột, kèo màu xanh, nhiều kích thước, đã bị rỉ sét (tạm giữ tại tổ dân phố 5, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội do bà Vũ Thị Th giao nộp) (BL 186, 187, 191)

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu Iphone 6S, màu vàng, có IMEI: 355693072642864, bên trong có chứa sim thuê bao số: 0976543029, bên ngoài có ốp lưng màu đen (của Nguyễn Đức T). (BL 188).

- 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam đồng của Nguyễn Đức T. (BL 188).

- 01 (một) Căn cước công dân số 031093003245 mang tên Nguyễn Đức T (BL 188).

* Trả lại cho chủ sở hữu các tài sản:

Đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp toàn bộ số sắt, số cột, kèo khung nhà xưởng (BL 191, 192, 193, 194).

* Phân dân sự:

- Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường (BL95-96). Tuy nhiên, ngày 09/3/2020 Nguyễn Đức T đã tự nguyện bồi thường số tiền 50.000.000 đồng.

- Ông Vũ Tiến Công yêu cầu Nguyễn Đức T bồi thường số tiền 320.000.000 đồng, gồm 245.000.000 đồng tiền mua sắt và 75.000.000 đồng tiền chi phí vận chuyển, đến nay các bên chưa giải quyết xong. (BL 122, 127).

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên,